

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 6 - 2020

V/v: Ly hôn giữa chị Y và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Ngô Văn Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Thanh Hải – kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2020/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2020/QĐST- HNGĐ ngày 22/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2020

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hải Y, sinh năm 1990 – *Có mặt*

Địa chỉ: thôn 3, xóm 2, xã HH, huyện LN, tỉnh HN

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 – *Vắng mặt tại phiên tòa*

Nơi cư trú: thôn LT, xã ML, huyện TT, tỉnh TB

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, ý kiến tại biên bản hòa giải và các đơn gửi Tòa án nguyên đơn là Trần Thị Hải Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ML, huyện TT vào ngày 22 tháng 2 năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở xã ML một thời gian ngắn thì chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở xã HH, tỉnh HN để đi làm, anh T cũng đi làm xa nên anh chị không ở cùng với nhau. Thời gian vợ chồng không ở cùng nhau anh T ít quan tâm đến chị và con, anh chị luôn có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Tháng 9/2019 chị đã nộp đơn yêu cầu

Tòa án giải quyết ly hôn anh Tường nhưng sau đó chị muốn hai bên có cơ hội nhìn nhận lại nên đã rút đơn về. Sau khi rút đơn về cuộc sống chung giữa chị và anh T vẫn không hạnh phúc, từ tháng 1/2020 chị và anh T ly thân. Nay chị xác định không thể chung sống với anh T được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về việc nuôi dưỡng con chung: Chị và anh T có một con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 15/02/2017. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về chia tài sản chung: Chị và anh T không có nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân chia tài sản.

Tại bản tự khai, ý kiến tại phiên họp bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh và chị Y kết hôn tự nguyện, thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như chị Y trình bày. Trong thời gian chị Y về nhà bố mẹ đẻ ở thì anh làm việc ở xa, làm ăn lại bị thua lỗ. Tuy nhiên anh vẫn nhắn tin hỏi thăm chị Y và con, thi thoảng mua sữa cho con, khi làm ăn tốt hơn anh cũng gửi tiền về cho chị Y chăm con. Tháng 5/2019 đến tháng 7/2019 anh và chị Y về thuê nhà chung sống với nhau nhưng trong thời gian này phát sinh một số mâu thuẫn do chị Y nghi ngờ lòng chung thủy của anh. Tháng 7/2019 chị Y nộp đơn ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn về đến tháng 1/2020 anh và chị Y ly thân và tiếp tục có đơn ly hôn anh. Anh không đồng ý ly hôn chị Y vì con cần có cả bố và mẹ chăm sóc. Anh và chị Y có một con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 15/02/2017, nếu chị Y vẫn giữ ý kiến đề nghị giải quyết ly hôn anh cũng đồng ý giao con cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Anh và chị Y không có nợ chung, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung.

Do không hòa giải được nên phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Y ly hôn anh T. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 15/02/2017, chấp nhận việc chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Không đặt ra giải quyết về tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu. Chị Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:*

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. *Xét yêu cầu của nguyên đơn:*

[2.1]. *Quan hệ hôn nhân:*

Chị Y và anh T kết hôn hợp pháp. Sau khi kết hôn do điều kiện làm ăn kinh tế mỗi người một nơi nên hai bên thường xuyên phải xa nhau, không cùng nhau chăm sóc xây dựng cuộc sống chung. Khi về ở cùng nhau vợ chồng lại mâu thuẫn do nghi ngờ, không tin tưởng nhau làm cho cuộc sống chung của anh chị không hạnh phúc dẫn tới tháng 7/2019 chị Y đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh T, sau khi chị Y rút đơn về nhưng hai bên vẫn tiếp tục có mâu thuẫn nên chị Y lại tiếp tục gửi đơn yêu cầu giải quyết ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần hòa giải nhưng chị Y vẫn không đồng ý đoàn tụ, anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Việc mâu thuẫn giữa anh T và chị Y còn chứng minh qua lời trình bày của mẹ đẻ chị Y là bà Trần Thị H đúng như lời trình bày của chị Y; xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ML xác định anh chị chỉ sống chung tại xã ML thời gian ngắn. Vậy nên xác định cuộc sống chung giữa anh T và chị Y không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Y yêu cầu giải quyết ly hôn cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Y ly hôn anh T.

[2.2]. *Về con chung:* Chị Y và anh T có một con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 15/02/2017, chị Y đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T nhất trí. Căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình giao cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc Bảo H đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên chấp nhận. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung:* Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí:* Chị Trần Thị Hải Yến phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân:

Xử cho chị Trần Thị Hải Y ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung: Chị Trần Thị Hải Y và anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H, sinh ngày 15/02/2017. Giao con chung là Nguyễn Ngọc Bảo H cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung 18 tuổi. Chấp nhận việc chị Y không yêu cầu anh Tường cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về phân chia tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Trần Thị Hải Y phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền được 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai số 0002124 ngày 12/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị Trần Thị Hải Y đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Hải Y có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

6. Quyền yêu cầu thi hành án và nghĩa vụ chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự;

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã ML;
- TAND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh TB;
- VKSND huyện TT;
- Thi hành án dân sự huyện TT;
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

